

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2025

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Phạm Hoàng Kiệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang:** Ông Phạm Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Văn Thị Ly, sinh năm 1986 (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh T, xã U Minh Th, tỉnh An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Văn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Văn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 (Gọi tắt là anh L1, chị L) tự quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương tháng 11/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (Nay thuộc xã U Minh Th, tỉnh An G) ngày

09/11/2016. Sau khi cưới vợ chồng chị L, anh L1 ở chung nhà với gia đình chồng, sau đó anh, chị cắt nhà ở riêng gần nhà cha, mẹ chồng. Vợ chồng chị L, anh L1 sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp. Anh L1 thường xuyên uống rượu, mỗi khi say rượu về nhà thì kiểm chuyện chửi bới, nhiều lần anh L1 dùng bạo lực đối với chị. Mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, nên năm 2022 chị về nhà cha, mẹ ruột ở, thuộc ấp Minh T, xã U Minh Th sống đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L1.

Về con chung: Chị L, anh L1 có 01 người con chung Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 18/9/2014, giới tính nữ (Hiện đang sống với chị Ly). Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh L1 không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L1. Chị L yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Yến Nhi không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung, chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh L1; Giao con chung Nguyễn Thị Yến Nhi cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhi. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung chị L xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét nên đề nghị HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính xã U Minh Thượng, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh L1 được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L1.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân của chị L và anh L1 được xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 09/11/2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị L, anh L1 là hợp pháp.

Lý do chị L yêu cầu ly hôn với anh L1, do bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh L1 không chăm lo làm ăn, mà thường tụ tập bạn bè uống rượu, mỗi khi say rượu về nhà anh L1 kiểm chuyện chửi bới, dùng bạo lực đối với chị L. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng anh L1 không sửa đổi, nên từ năm 2022 chị L về nhà cha, mẹ ruột ở, thuộc ấp Minh Tân, xã U Minh Thượng sống cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh L1 được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng anh L1 vắng mặt và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2025 của Tòa án khu vực 6, được chính quyền địa phương cung cấp, trong quá trình chung sống chị L và anh L1 có xảy ra mâu thuẫn, do anh L1 thường xuyên uống rượu, đôi lúc có dùng vũ lực đối với chị L nên chị L về nhà mẹ ruột sống cho đến nay.

Tại phiên tòa HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh L1. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, anh L1 có hành vi bạo lực gia đình. Năm 2022 chị L về nhà mẹ ruột sống đến nay thì vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mà cả hai quyết định sống ly thân đến nay. Hơn nữa, từ khi Tòa án thụ lý vụ án anh L1 không đến tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa để thể hiện việc muốn đoàn tụ với chị L. Cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh,

chị không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị L, anh L1 có 01 người con chung Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 18/9/2014. Vợ chồng ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung Yến Nhi, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai cháu Yến Nhi có nguyện vọng được ở với chị L. Xét thấy cháu Nhi là nữ, hiện cháu Nhi đang sống với chị L đã quen và thích nghi với môi trường sống bên chị L nên giao cháu Nhi cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhi. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Về chia tài sản chung: Chị L, anh L1 không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Văn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 18/9/2014 (Hiện cháu Nhi đang sống với chị L) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn L1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Chị L, anh L1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Văn Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014060 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 6;
- Phòng THADS Khu vực 6;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng